

Số: 12/2020/QĐST-HNGĐ

Trần Đề, ngày 20 tháng 01 năm 2020.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào điều 212 và 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào các điều 53, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 249/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Bùi Thị Bạch T**; Sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Ấp C, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Bị đơn: Ông **Trần Văn C**; Sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Ấp C, thị trấn T, huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ con chung: Bà Bùi Thị Bạch T và ông Trần Văn C thống nhất xác định có hai con chung là Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 16/7/1999 và Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2005. Hiện nay, Trần Thị Ngọc N, sinh ngày 16/7/1999 đã thành niên, có khả năng lao động; Trần Minh T đang sống với Bà Bùi Thị Bạch T. Bà Bùi Thị Bạch T và ông Trần Văn C thống nhất thỏa thuận giao cho Bà Bùi Thị Bạch T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Trần Minh T, sinh ngày 11/01/2005 cho đến khi thành niên.

- Ông Trần Văn C không phải cấp dưỡng cho con chung.

- Ông Trần Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom Trần Minh T mà không ai được cản trở. Ông Trần Văn C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục Trần Minh T của Bà Bùi Thị Bạch T.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Bùi Thị Bạch T và ông Trần Văn C thống nhất xác định không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Bùi Thị Bạch T thống nhất chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001954, ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng. Trả lại cho Bà Bùi Thị Bạch T số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Ông Trần Văn C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Bà Bùi Thị Bạch T và ông Trần Văn C thống nhất thừa nhận mối quan hệ chung sống giữa Bà Bùi Thị Bạch T và ông Trần Văn C không phải là vợ chồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P. KTNV&THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trương Thái Ngọc